

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH OAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2157**/UBND-KT

Thanh Oai, ngày **10** tháng 10 năm 2023.

V/v đơn đốc thực hiện thu, nộp Quỹ
PCTT đến năm 2023 và xây dựng kế
hoạch thu năm 2024 trên địa bàn
huyện Thanh Oai

Kính gửi:

- Các cơ quan, tổ chức, các đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

- Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ quy định về thành lập, quản lý Quỹ phòng chống thiên tai;

- Thực hiện Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 10/5/2023 của UBND huyện Thanh Oai, Kế hoạch thu nộp Quỹ PCTT năm 2023. Và báo cáo Kế hoạch thu nộp quỹ PCTT các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022 của UBND huyện Thanh Oai.

UBND huyện đã tổ chức triển khai kế hoạch thu Quỹ tới các cá nhân, cơ quan, tổ chức, đơn vị, UBND các xã thị trấn Kế hoạch thực hiện thu Quỹ PCTT các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022 và 2023 tại hội nghị triển khai Phương án PCTT&TKCN của UBND huyện hàng năm và lồng ghép trong các kỳ họp giao ban sản xuất, giao ban UBND huyện. Ban hành nhiều văn bản đơn đốc thực hiện thu Quỹ PCTT các năm. Gửi kế hoạch thu nộp hàng năm đến các xã, thị trấn, các cơ quan, ban ngành, các đơn vị đóng trên địa bàn (trực tiếp đến một số đơn vị tại hội nghị triển khai Phương án PCTT hàng năm và gửi bản PDF đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị và UBND các xã, thị trấn qua đường email). Song cho đến hết 30/9/2023 tỷ lệ thu nộp năm 2023 và truy thu nợ đọng từ năm 2017 đến 2022 còn rất thấp; một số cơ quan, tổ chức, đơn vị còn có hiện tượng chây ì không nghiêm túc tổ chức thực hiện thu nộp theo quy định.

* Kết quả tính đến hết 30/9/2023 là:

- Thu năm 2023: **233.498.500 đồng**
- Truy thu từ năm 2017 đến 2021 là: **0 đồng**
- Truy thu năm 2022: **14.392.500 đồng**

(Kết quả thực hiện thu nộp cụ thể tại phụ lục gửi kèm Văn bản này)

Để đảm bảo thực hiện thu nộp quỹ PCTT hàng năm được đúng, đủ đối tượng và đảm bảo thời gian theo quy định. UBND huyện yêu cầu các cơ quan, tổ chức, các đơn vị, UBND các xã thị trấn và các cá nhân thuộc đối tượng đóng góp trên địa bàn huyện thực hiện:

1. Nghiêm chỉnh thực hiện truy thu nộp Quỹ PCTT còn tồn đọng các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022 và thực hiện thu nộp quỹ PCTT năm 2023 đảm bảo thu đủ, đúng đối tượng và đảm bảo thời gian quy định.

2. Các ngành, các cơ quan, tổ chức và UBND các xã, thị trấn thực hiện cấp giấy chứng nhận đã nộp Quỹ PCTT theo quy định cho các đối tượng đóng góp thuộc đơn vị mình quản lý khi thực hiện thu nộp, lập danh sách, mở sổ theo dõi lưu và xuất trình khi có yêu cầu.

* Đối với các tổ chức, cá nhân cố tình không chấp hành việc thực hiện thu nộp Quỹ PCTT; yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, tổ chức đơn vị phối hợp với các cơ quan chức năng thiết lập hồ sơ theo đúng trình tự và xử lý nghiêm theo Quy định.

Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND huyện về tiến độ và kết quả thực hiện việc thu nộp của các đối tượng thuộc đơn vị quản lý.

*** Giao:**

- Chi cục thuế Thanh Oai - Chương Mỹ chuyển Văn bản này và đơn đốc các doanh nghiệp đóng trên địa bàn thực hiện thu nộp Quỹ PCTT từ năm 2017 đến 2023 và rà soát đối tượng, xây dựng kế hoạch thu nộp năm 2024 theo quy định.

- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện chuyển Văn bản đơn đốc và đơn đốc các trường học đóng trên địa bàn huyện thực hiện thu nộp Quỹ PCTT từ năm 2017 đến 2023 và rà soát đối tượng, xây dựng kế hoạch thu nộp năm 2024 theo quy định.

*** Tiền thu nộp Quỹ nộp về tài khoản số: 3761.0.9085899.91049**

Chủ tài khoản: Phòng Tài chính – KH huyện Thanh Oai.

Mở tại Kho bạc nhà nước Thanh Oai – Hà Nội.


*** Nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị liên hệ ngay với phòng TC-KH hoặc phòng Kinh tế theo thông tin sau:**

0907218689 – ĐC Nhung, chuyên viên phòng TC-KH;


0919100669 – ĐC Hải, chuyên viên phòng Kinh tế;

0393081868 – ĐC Tuấn, chuyên viên phòng Kinh tế.

3. Rà soát đối tượng và xây dựng kế hoạch năm 2024 gửi về huyện (phòng Kinh tế và phòng Tài chính – Kế hoạch) trước 30/01/2024 để làm cơ sở xây dựng và phê duyệt kế hoạch thu nộp năm 2024 của huyện. Đơn vị nào không nghiêm chỉnh thực hiện thì Thủ trưởng đơn vị đó hoàn toàn chịu trách nhiệm trước UBND huyện. Đối tượng thu nộp và mức thu nộp theo đúng quy định tại Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ quy định về thành lập, quản lý Quỹ phòng chống thiên tai (đã được gửi cho các đơn vị và tiếp tục gửi kèm Văn bản này).

Trên đây là nội dung đơn đốc thực hiện thu, nộp Quỹ PCTT đến năm 2023 và xây dựng kế hoạch thu năm 2024. UBND huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân và UBND các xã thị trấn nghiêm túc thực hiện và đảm bảo thời gian theo quy định. 

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
 - TTHU, Chủ tịch UBND huyện (để b/c);
 - TTBCHPCTT huyện;
 - Lưu: VT, PKT (Hải, 05).
- 



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trọng Khiển

I SÁCH CÁC ĐƠN VỊ NỘP TIỀN QUỸ PCTT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NĂM
(Tính đến hết 31/8/2023)

TT	Đơn vị	Số phải thu nộp theo Kế hoạch năm 2023	Số đã thu nộp năm 2023	Số còn phải nộp	Tỷ lệ % so với kế hoạch	Ghi chú
A	B	1	3	5=1-3	6=3/1*100	
	Tồn 2022 chuyển sang	96.480.430				
	TỔNG CỘNG	592.740.000	233.498.500	360.741.500	39%	
I	CÁC ĐƠN VỊ ĐẢNG, CƠ QUAN QUẢN LÝ	5.236.000	2.631.000	2.605.000		
1	Văn phòng Huyện ủy Thanh Oai	1.190.000		1.190.000	0%	
2	Văn phòng HĐND & UBND huyện	952.000	884.000	68.000	93%	
3	Phòng Tài chính - KH	408.000	442.000	(34.000)	108%	
4	Phòng Kinh tế	374.000	375.000	(1.000)	100%	
5	Phòng Lao động TBXH	272.000		272.000	0%	
6	Phòng Văn hóa thông tin	204.000		204.000	0%	
7	Phòng Y Tế huyện	136.000	136.000	-	100%	
8	Phòng TN&MT	374.000		374.000	0%	
9	Phòng Nội vụ huyện	306.000	272.000	34.000	89%	
10	Phòng Tư Pháp	170.000		170.000	0%	
11	Phòng Giáo dục	306.000		306.000	0%	
12	Phòng Quản lý đô thị	272.000	272.000	-	100%	
13	Thanh tra huyện	272.000	250.000	22.000	92%	
II	CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP	72.171.000	2.302.000	69.869.000	3%	
1	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện	680.000	680.000	-	100%	
2	Trung tâm văn hóa thể thao và thông tin	952.000		952.000	0%	
3	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	850.000		850.000	0%	
4	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	136.000		136.000	0%	
5	Trung tâm giáo dục nhà nước -GD	1.203.000		1.203.000	0%	
6	Đội quản lý trật tự xây dựng	578.000	578.000	-	100%	
7	Trạm khuyến nông	238.000		238.000	0%	
8	Trung tâm Y tế và các trạm y tế	9.792.000		9.792.000	0%	
9	Bảo hiểm xã hội	544.000	544.000	-	100%	
10	Bệnh viện đa khoa huyện	6.630.000		6.630.000	0%	
11	Chi cục thuế	4.046.000		4.046.000	0%	
12	Chi cục thống kê	170.000		170.000	0%	
13	Chi cục thú y	238.000		238.000	0%	
14	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	476.000		476.000	0%	
15	Thanh tra giao thông	340.000		340.000	0%	
16	Kho bạc nhà nước	442.000		442.000	0%	
17	Ngân hàng nông nghiệp			-		
18	Ngân hàng chính sách			-		

19	Toàn án nhân dân	408.000		408.000	0%
20	Viện kiểm sát nhân dân	544.000		544.000	0%
21	Chi cục thi hành án huyện Thanh Oai	340.000	500.000	(160.000)	147%
22	Ban chỉ huy quân sự huyện	1.020.000		1.020.000	0%
23	Ban công an huyện	42.272.000		42.272.000	0%
24	Trạm trồng trọt và bảo vệ thực vật	272.000		272.000	0%
III	CÁC ĐOÀN THỂ	1.054.000	272.000	782.000	2
1	Mặt trận Tổ Quốc	136.000		136.000	0%
2	Liên đoàn Lao động	136.000	136.000	-	100%
3	Hội Chữ thập đỏ huyện	136.000	136.000	-	100%
4	Đoàn thanh niên huyện	170.000		170.000	0%
5	Hội Nông dân	136.000		136.000	0%
6	Hội Phụ nữ	136.000		136.000	0%
7	Hội người mù	102.000		102.000	0%
8	Hội Cựu chiến binh	102.000		102.000	0%
IV	TRƯỜNG HỌC	108.667.000	95.239.000	13.428.000	
A	Trường THPT			-	
1	Trường THPT Thanh Xuân			-	
2	Trường THPT Bắc Hà			-	
3	Trường PTTH Nguyễn Du	2.584.000		2.584.000	0%
4	Trường PTTH Thanh Oai A	2.720.000		2.720.000	0%
5	Trường PTTH Thanh Oai B	2.349.000		2.349.000	0%
B	Khối THCS			-	
1	Trường THCS Cự Khê	1.258.000	1.836.000	(578.000)	146%
2	Trường THCS Bích Hòa	1.496.000	1.500.000	(4.000)	100%
3	Trường THCS Bình Minh	1.666.000	1.666.000	-	100%
4	Trường THCS Thanh Cao	1.326.000	1.258.000	68.000	95%
5	Trường THCS Cao Viên	2.482.000	2.270.000	212.000	91%
6	Trường THCS Tam Hưng	1.530.000	1.530.000	-	100%
7	Trường THCS Thanh Thùy	1.190.000	1.190.000	-	100%
8	Trường THCS Mỹ Hưng	1.122.000	1.224.000	(102.000)	109%
9	Trường THCS Thanh Mai	1.156.000	1.156.000	-	100%
10	Trường THCS Kim An	850.000	850.000	-	100%
11	Trường THCS Kim Thư	850.000		850.000	0%
12	Trường THCS Phương Trung	2.074.000	2.040.000	34.000	98%
13	Trường THCS Cao Dương	1.496.000	1.496.000	-	100%
14	Trường THCS Xuân Dương	952.000	612.000	340.000	64%
15	Trường THCS Nguyễn Đức Lượng (Dân Hoà cũ)	1.326.000	1.326.000	-	100%
16	Trường THCS Hồng Dương	1.666.000	1.632.000	34.000	98%
17	Trường THCS Đỗ Động	918.000	918.000	-	100%
18	Trường THCS Tân Ước	952.000	918.000	34.000	96%
19	Trường THCS Thanh Văn	1.088.000	918.000	170.000	84%
20	Trường THCS Liên Châu	1.088.000	1.088.000	-	100%

21	Trường THCS Nguyễn Trục - Thị trấn Kim Bài	1.700.000	1.700.000	-	100%
C	Khối Tiểu học				
1	Trường tiểu học Cự Khê	1.564.000	1.050.000	514.000	67%
2	Trường tiểu học Bích Hòa	1.700.000	1.700.000	-	100%
3	Trường tiểu học Bình Minh A	1.156.000	1.020.000	136.000	88%
4	Trường tiểu học Bình Minh B	1.292.000	1.088.000	204.000	84%
5	Trường tiểu học Thanh Cao	1.530.000	1.530.000	-	100%
6	Trường tiểu học Cao viên I	1.258.000	1.156.000	102.000	92%
7	Trường tiểu học Cao viên II	1.836.000	1.632.000	204.000	89%
8	Trường tiểu học Tam Hưng	1.802.000	1.802.000	-	100%
9	Trường tiểu học Thanh Thù	1.292.000	1.190.000	102.000	92%
10	Trường tiểu học Mỹ Hưng	1.258.000	1.258.000	-	100%
11	Trường tiểu học Thanh Mai	1.394.000	1.258.000	136.000	90%
12	Trường tiểu học Kim An	816.000	782.000	34.000	96%
13	Trường tiểu học Kim Thư	1.020.000	952.000	68.000	93%
14	Trường tiểu học Phương Trung I	1.326.000	1.326.000	-	100%
15	Trường tiểu học Phương Trung II	1.394.000	1.326.000	68.000	95%
16	Trường tiểu học Cao Dương	1.700.000	1.700.000	-	100%
17	Trường tiểu học Xuân Dương	1.020.000		1.020.000	0%
18	Trường tiểu học Dân Hòa	1.394.000	1.394.000	-	100%
19	Trường tiểu học Hồng Dương	1.768.000	1.768.000	-	100%
20	Trường tiểu học Đỗ Động	952.000		952.000	0%
21	Trường tiểu học Tân Ước	1.054.000	1.054.000	-	100%
22	Trường tiểu học Thanh Văn	1.054.000		1.054.000	0%
23	Trường tiểu học Liên Châu	1.258.000	1.258.000	-	100%
24	Trường tiểu học Thị trấn Kim Bài	1.326.000	1.258.000	68.000	95%
D	Khối mầm non				
1	Mầm Non Cự Khê	2.414.000	2.114.000	300.000	88%
2	Mầm Non Bích Hòa	1.564.000	1.836.000	(272.000)	117%
3	Mầm Non Bình Minh I	1.632.000	1.632.000	-	100%
4	Mầm Non Bình Minh II	1.190.000	1.394.000	(204.000)	117%
5	Mầm Non Thanh Cao	1.802.000	2.142.000	(340.000)	119%
6	Mầm non Cao viên I	1.802.000	2.108.000	(306.000)	117%
7	Mầm Non Cao Viên II	1.462.000	1.465.000	(3.000)	100%
8	Mầm Non Tam Hưng A	1.666.000	1.972.000	(306.000)	118%
9	Mầm Non Tam Hưng B	1.258.000	1.360.000	(102.000)	108%
10	Mầm Non Thanh Thù	1.870.000	1.870.000	-	100%
11	Mầm Non Mỹ Hưng	1.394.000	1.666.000	(272.000)	120%
12	Mầm Non Thanh Mai	1.632.000		1.632.000	0%
13	Mầm Non Kim An	952.000		952.000	0%
14	Mầm Non Kim Thư	1.258.000	1.428.000	(170.000)	114%
15	Mầm Non Phương Trung I	1.904.000	1.904.000	-	100%
16	Mầm Non Phương Trung II	1.666.000	1.666.000	-	100%
17	Mầm Non Cao Dương I	1.326.000		1.326.000	0%

18	Mầm Non Cao Dương II	1.190.000	2.346.000	(1.156.000)	197%
19	Mầm Non Xuân Dương	1.428.000	1.700.000	(272.000)	119%
20	Mầm Non Dân Hòa	1.700.000	1.700.000	-	100%
21	Mầm Non Hồng Dương	1.938.000	1.870.000	68.000	96%
22	Mầm Non Đỗ Động	1.326.000	1.500.000	(174.000)	113%
23	Mầm Non Tân Ước	1.428.000	1.428.000	-	100%
23	Mầm Non Thanh Văn	1.564.000	1.802.000	(238.000)	115%
24	Mầm Non Liên Châu	1.496.000	1.496.000	-	100%
25	Mầm Non Thị trấn Kim Bài	1.802.000	2.210.000	(408.000)	123%
V	UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN	405.612.000	131.554.500	274.057.500	9
1	xã Bích Hòa	36.622.000	1.156.000	35.466.000	3%
2	Xã Cự Khê	52.110.000	6.964.000	45.146.000	13%
3	xã Cao Viên	31.234.000	13.540.000	17.694.000	43%
4	xã Thanh Cao	7.370.000	18.078.500	(10.708.500)	245%
5	xã Bình Minh	11.842.000	986.000	10.856.000	8%
6	xã Tam Hưng	39.411.000	7.690.000	31.721.000	20%
7	xã Mỹ Hưng	12.010.000	7.404.000	4.606.000	62%
8	Xã Thanh Thùy	20.377.000	2.370.000	18.007.000	12%
9	xã Thanh Văn	17.689.000	14.301.000	3.388.000	81%
10	xã Thanh Mai	15.722.000		15.722.000	0%
11	TT Kim Bài	10.648.000	2.880.000	7.768.000	27%
12	xã Kim An	8.361.000		8.361.000	0%
13	xã Kim Thụ	7.411.000	1.820.000	5.591.000	25%
14	xã Đỗ Động	13.209.000	18.210.000	(5.001.000)	138%
15	xã Phương Trung	21.918.000	10.700.000	11.218.000	49%
16	xã Dân Hòa	14.242.000		14.242.000	0%
17	xã Cao Dương	11.977.000	925.000	11.052.000	8%
18	xã Xuân Dương	26.058.000	2.840.000	23.218.000	11%
19	xã Hồng Dương	17.347.000	21.010.000	(3.663.000)	121%
20	xã Liên Châu	15.775.000		15.775.000	0%
21	xã Tân Ước	14.279.000	680.000	13.599.000	5%
VI	Khối Doanh Nghiệp	-	1.500.000	-	
1	Công ty Điện lực Thanh Oai			-	
2	Bưu điện huyện Thanh Oai			-	
3	Công ty TNHH BIG POWER		500.000	(500.000)	
	Cty DVTM và XNK Hà Linh		1.000.000		
	Cty sản xuất và TM Đức Cường				
	...				

Lưu ý: Các doanh nghiệp không gửi kế hoạch thu nộp về huyện nên huyện không có cơ sở xây dựng kế hoạch thu nộp đối với doanh nghiệp; do vậy Thủ trưởng các doanh nghiệp chịu hoàn toàn trách nhiệm thực hiện thu nộp theo đúng quy định.

Ngoài ra một số đơn vị có sự sai khác về số lượng người thực tế và kế hoạch thu nộp nên có sai khác về mức thu nộp của đơn vị (do đơn vị không gửi kế hoạch); Do vậy Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND huyện về việc thực hiện thu nộp theo đúng thực tế tại đơn vị.



DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ NỘP TIỀN QUỸ PCTT (TRUY THU NĂM 2022)

(Tính đến hết 30/9/2023)

TT	Đơn vị	Số phải thu nộp theo Kế hoạch năm 2022	Số đã thu nộp năm 2022	Số thu nộp tiếp năm 2023	Số còn phải nộp	Tỷ lệ % so với kế hoạch	Ghi chú
A	B	1	3	4	5=1-3	6=3/1*100	
	TỔNG CỘNG		23.745.000	14.392.500	52.807.340		
IV	TRƯỜNG HỌC	9.078.000	-	9.078.000	-	0%	
B	Khối THCS				-		
10	Trường THCS Kim An	850.000		850.000	-	0%	
14	Trường THCS Xuân Dương	884.000		884.000	-	0%	
C	Khối Tiểu học				-		
2	Trường tiểu học Bích Hòa	1.836.000		1.836.000	-	0%	
10	Trường tiểu học Mỹ Hưng	1.292.000		1.292.000	-	0%	
14	Trường tiểu học Phương Trung I	1.292.000		1.292.000	-	0%	
19	Trường tiểu học Hồng Dương	1.836.000		1.836.000	-	0%	
21	Trường tiểu học Tân Ước	1.088.000		1.088.000	-	0%	
V	UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN	81.866.840	23.745.000	5.314.500	52.807.340	29%	
15	xã Phương Trung	45.153.000	10.000.000	3.321.500	31.831.500	22%	
18	xã Xuân Dương	22.435.000	3.820.000	950.000	17.665.000	17%	
21	xã Tân Ước	14.278.840	9.925.000	1.043.000	3.310.840	70%	

Ghi chú: Do số lượng đơn vị nhiều nên biểu chỉ tổng hợp các đơn vị có số truy nộp